

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Văn Hai

Ông Lê Văn Mút

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 196C/2 ấp 2, xã QS, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1958. (mất tích)

Nơi cư trú: Số 64/3 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Bà và ông Trần Văn M kết hôn vào năm 1983, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Bến Tre (nay thành phố Bến Tre). Bà và ông M sống hạnh phúc được một thời gian rồi xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do trong quá trình chung sống ông M thường nhậu say xỉn về chửi, mắng vợ con và không chăm lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vào năm 2009 bà và ông M thống nhất bán nhà và sống ly thân. Ông M bỏ nhà đi đến xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre sinh sống một thời gian rồi ông M tiếp tục bỏ đi chỗ khác sinh sống, từ đó trở về sau gia

đình bà không ai biết ông M đang sinh sống ở đâu nên bà đã thông báo ông M mất tích. Năm 2020 bà yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích ông M. Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M.

Con chung: Trần Huỳnh Điền, sinh ngày 28/2/1984 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị H thì vụ án có quan hệ "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Trần Văn M có nơi cư trú cuối cùng tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] Nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Thị H và ông Trần Văn M kết hôn vào năm 1983 điều kiện kết hôn nhân là do quen biết và tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Bến Tre (nay thành phố Bến Tre). Như vậy, hôn nhân của bà Huỳnh Thị H và ông Trần Văn M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do trong quá trình chung sống do ông M thường nhậu say xỉn về chửi, mắng vợ con và ông M không chăm lo làm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông M bỏ đi từ năm 2009 đến nay. Bà H đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú tuyên bố ông M mất tích. Căn cứ vào quyết định số: 01/2020/QĐST-VDS ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã tuyên bố ông Trần Văn M mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã niêm yết các thông báo cho ông M hợp lệ. Đến ngày Tòa án mở phiên tòa ông M vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Trần Huỳnh Đ, sinh ngày 28/2/1984 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị H trình bày không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị H. Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về nuôi con chung: Trần Huỳnh Điền, sinh ngày 28/2/2084 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011694 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Đặng Văn Phương**